TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 57/2023/QĐST-HNGĐ	*T D, ngày 26 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 74/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh V V Th, sinh năm 1989

Trú tại: Bản X H, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An..

Bị đơn: Chị L Th O, sinh năm 1992

HKTT: Bản X H, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Bản A, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh V V Th, sinh năm 1989

Trú tại: Bản X H, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An..

Bị đơn: Chị L Th O, sinh năm 1992

HKTT: Bản X H, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Bản A, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Anh V V Th và chị L Th O thỏa thuận nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh V V Th và chị L Th O thỏa thuận:

+ Giao cháu V Gi Tr, sinh ngày 15/5/2014 cho anh V V Th chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

+ Cấp dưỡng: Chị L Th O có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu V Gi Tr, sinh ngày 15/5/2014 mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 26 tháng 7 năm 2023. Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

+ Chị L Th O có quyền thăm nom, chăm sóc, con chung không ai được cản trở;

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh V V Th và chị L Th O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016: Anh V V Th và chị L Th O thỏa thuận anh V V Th tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0010832 ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An. Trả lại cho anh V V Th 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị L Th O chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện T D;
- Cơ quan THADS T D;
- Các đương sự;
- UBND xã X L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Thị Ái